TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/ DS-ST
Ngày 23/05/2022
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂ N HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Hoàng Minh

2/ - Ông Trương Văn Sắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 05 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/ TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán thiếu phân bón, thuốc trừ sâu cho anh Nguyễn Văn H. Sau đó đến ngày 24/08/2020 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là anh H còn thiếu của tôi số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là

113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng). Anh H có làm biên nhận nợ ngày 24/08/2020 với tôi, thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là 2%/1tháng và thời hạn trả nợ là anh H có hứa đến vụ thu hoạch lúa Đông – Xuân ngày 20/03/2021 thì sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến thời hạn trả nợ thì anh H chỉ có hứa mà không thực hiện việc trả nợ. Tôi có đến nhà anh H đòi nợ nhiều lần nhưng anh H vẫn không đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H trả nợ cho tôi số tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho bị đơn ông Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn ông Nguyễn Văn H là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Nguyễn Văn H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn H, theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền gốc là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trước đây ông H có mua thiếu tiền phân bón và thuốc trừ sâu của ông T. Đến ngày 24/08/2020 thì ông T và ông H ngồi tính toán nợ với nhau thì cụ thể là ông H còn thiếu nợ của ông T số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng), ông H có làm biên nhận nợ ngày 24/08/2020 với ông T, thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là 2%/tháng và thời hạn trả nợ là anh H có hứa đến vụ thu hoạch lúa Đông – Xuân ngày 20/03/2021 thì sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho ông T, đến thời hạn trả nợ ngày 20/03/2021 thì ông H chỉ có hứa mà không thực hiện việc đóng lãi và trả nợ cho ông T, mặc dù ông T có đến nhà ông H đòi nợ nhiều lần. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Như vậy số tiền lãi do chậm trả tiền trong vụ kiện này tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 26/5/2020 là 229 ngày cụ thể như sau: 113.000.000đ x 1,66% x 633 ngày = 39.579.380đ tính tròn là 39.579.000đ (ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 152.579.000đ (một trăm năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông T số tiền là 2.825.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). theo biên lai thu số 0008379 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp: 152.579.000đ x 5% = 7.628.950đ tính tròn là 7.629.000đ (bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

3/ Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền gốc và lãi là 152.579.000đ (một trăm năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc ông Nguyễn Văn H nộp 7.629.000đ (bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 2.825.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). theo biên lai thu số 0008379 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho ông Nguyễn Văn H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật